

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 26

P:
C
C
QU
ĐẦU
ĐÓN

U.N.: 01
TRÁC
D
V
ĐÔNG

Số: *18/11* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 - Đầu tư tài chính ngắn hạn, số dư đầu tư vào chứng khoán vốn chưa niêm yết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 26.792.052.632 VND. Việc trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán vốn chưa niêm yết được dựa trên các báo giá được thu thập từ 02 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng mức giá từ các báo giá thu thập được phản ánh giá trị thị trường của các cổ phiếu này;
- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm số tiền 9.000.000.000 VND đầu tư vào 450.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phú Sơn nhằm mục đích thu lợi nhuận trong ngắn hạn. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thanh lý khoản đầu tư này và tin tưởng rằng việc phân loại, trình bày khoản đầu tư này là phù hợp;
- Như trình bày tại Thuyết minh số 10 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm số tiền 12.900.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 50% vào dự án xây dựng công trình số 12 Đỗ Ngọc Du, Hà Nội ("Dự án") theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014. Ban Giám đốc đã thận trọng đánh giá tính chất đặc thù của Hợp đồng hợp tác đầu tư này và tin tưởng rằng việc phân loại và trình bày khoản đầu tư này vào Đầu tư tài chính dài hạn khác là phù hợp với bản chất của Hợp đồng hợp tác đầu tư.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		116.683.841.697	114.658.475.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.900.018.867	33.838.925.876
1. Tiền	111		7.900.018.867	8.338.925.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	25.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	74.417.303.935	70.638.032.461
1. Đầu tư ngắn hạn	121		76.565.788.752	75.469.347.369
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.148.484.817)	(4.831.314.908)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.620.708.055	10.071.517.641
1. Phải thu khách hàng	131		895.463.074	678.210.275
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	5.072.339.302	4.725.869.637
3. Các khoản phải thu khác	135	7	8.652.905.679	4.667.437.729
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		745.810.840	110.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		745.810.840	110.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		13.748.858.471	14.378.920.352
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		389.422.800	389.422.800
1. Phải thu dài hạn khác	218		389.422.800	389.422.800
II. Tài sản cố định	220		304.885.670	243.480.083
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	170.935.680	214.342.591
- Nguyên giá	222		1.241.286.468	1.241.286.468
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.070.350.788)	(1.026.943.877)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	133.949.990	29.137.492
- Nguyên giá	228		207.000.000	88.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.050.010)	(59.162.508)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	12.900.000.000	12.900.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		12.900.000.000	12.900.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		154.550.001	846.017.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		154.550.001	846.017.469
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		130.432.700.168	129.037.396.330

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B01a-CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		17.650.167.607	18.102.988.293
1. Phải trả người bán	312		198.000.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	217.076.542	394.380.044
3. Phải trả người lao động	315		633.043.578	1.248.617.735
4. Chi phí phải trả	316	12	1.068.480.000	764.115.478
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	15.034.658.287	14.529.116.891
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		498.909.200	1.166.758.145
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		112.782.532.561	110.934.408.037
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	112.782.532.561	110.934.408.037
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		999.048.486	999.048.486
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.299.048.486	999.048.486
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		784.011.788	484.011.788
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.700.423.801	8.452.299.277
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		130.432.700.168	129.037.396.330

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Mã số	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	5.141.190.000	9.736.540.000
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020	18.928.550.000	18.928.550.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	103.184.619.914	29.250.987.970
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	103.184.619.914	29.250.987.970
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	11.969.524.724.540	5.798.801.872.975
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	11.969.524.724.540	5.798.801.872.975
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	51.066.001.980	99.751.410.313
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	53.832.160.301	22.469.100.309



Trần Thị Thủy
 Giám đốc

Đỗ Thị Kim Cúc
 Trưởng Phòng Tài chính Kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
 Người lập

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu	01	15	9.793.445.500	13.201.953.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		9.793.445.500	13.201.953.749
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	3.523.650.539	4.806.446.453
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		6.269.794.961	8.395.507.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	4.811.304.297	3.955.311.976
7. Chi phí tài chính	22	19	633.481.646	1.401.025.642
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.138.318.368	8.556.589.310
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		2.309.299.244	2.393.204.320
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.309.299.244	2.393.204.320
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	161.174.720	555.837.650
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		2.148.124.524	1.837.366.670
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	215	169



Ngày 10 tháng 8 năm 2016


Đỗ Thị Kim Cúc
Trưởng Phòng Tài chính Kế toán


Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B 03a-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
		đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9.446.975.835	27.238.183.673
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(7.261.975.393)	(16.617.710.578)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.400.252.108)	(4.312.295.035)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(279.610.839)	(1.102.273.429)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.832.290.162	5.242.174.754
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(3.468.131.079)	(5.231.145.886)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	3.869.296.578	5.216.933.499
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(118.700.000)	-
2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	(55.256.000.000)
3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.683.688.263	55.075.057.838
4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.626.808.150	405.891.669
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(10.808.203.587)	224.949.507
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(6.938.907.009)	5.441.883.006
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.838.925.876	13.653.969.794
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	26.900.018.867	19.095.852.800

Trần Thị Thủy
Giám đốcĐỗ Thị Kim Cúc
Trưởng Phòng Tài chính Kế toánPhạm Thị Thanh Vân
Người lập

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 05-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng, giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này	Kỳ trước
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		999.048.486	999.048.486	300.000.000	-	-	-	1.299.048.486	999.048.486
3. Quỹ đầu tư phát triển		999.048.486	999.048.486	-	-	-	-	999.048.486	999.048.486
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		484.011.788	-	300.000.000	-	484.011.788	-	784.011.788	484.011.788
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.452.299.277	15.737.555.772	2.148.124.524	(900.000.000)	1.837.366.670	(8.388.082.515)	9.700.423.801	9.186.839.927
Cộng		110.934.408.037	117.735.652.744	2.748.124.524	(900.000.000)	2.321.378.458	(8.388.082.515)	112.782.532.561	111.668.948.687



Ngày 10 tháng 8 năm 2016

ĐKS
 Đỗ Thị Kim Cúc
 Trưởng Phòng Tài chính Kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
 Phạm Thị Thanh Vân
 Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) (“Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 36 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 35 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

1. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
2. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
3. Tư vấn đầu tư chứng khoán

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, và các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư. Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên mức giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 02 công ty chứng khoán khác nhau có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng do Công ty thu thập, bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được Công ty thực hiện dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc về suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản

**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/6/2016
Số năm**

Thiết bị văn phòng

3 - 5

Phương tiện vận tải

10